

Số: *14* /NQ-HĐND

Thuận Nam, ngày *28* tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp các  
Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế -  
xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền  
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn  
mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ  
lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền  
vững;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ  
lệ vốn đối ứng NSDP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh  
tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách  
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương  
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa  
bàn tỉnh;*





Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 14/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện về phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị xem xét, phê duyệt Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 19/7/2023 của Ban Kinh tế-Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phân bổ kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, cụ thể như sau:

**1.** Điều chỉnh giảm kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị, địa phương, số tiền: 2.080,1 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: 806 triệu đồng;
- Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.274,1 triệu đồng.

**2.** Phân bổ kinh phí cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, số tiền: 2.080,1 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.600,1 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng: 240 triệu đồng;
- Ngân sách xã đối ứng: 240 triệu đồng

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí điều chỉnh giảm tại Khoản 1 nêu trên và ngân sách xã đối ứng.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

**1.** Giao Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

**2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam khoá IV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
  - UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
  - Sở Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
  - TT: Huyện ủy, HĐND Huyện;
  - UBND, UBMT TQVN Huyện;
  - Đại biểu HĐND huyện Khóa IV;
  - Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
  - Thường trực HĐND và UBND các xã;
  - Lưu: VT.
- } (b/cáo)

**CHỦ TỊCH**



**Ngô Văn Sậy**





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN NAM



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023  
Ban hành theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Chương trình/Dự án/Dịa phương	Kinh phí đã phân bổ						Kinh phí điều chỉnh									
		Giảm			Tăng			Giảm			Tăng						
		Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	Ngân sách xã đối ứng	Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	Ngân sách xã đối ứng	Tổng số	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	Ngân sách xã đối ứng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	1.646.000	686.000	480.000	480.000	806.000	326.000	240.000	240.000	806.000	326.000	240.000	240.000	1.646.000	686.000	480.000	480.000
I	Quy hoạch xây dựng xã NTM	1.400.000	560.000	420.000	420.000	560.000	200.000	180.000	180.000	560.000	200.000	180.000	180.000	1.400.000	560.000	420.000	420.000
1.1	UBND xã Nhị Hà	460.000	184.000	138.000	138.000	180.000	64.000	58.000	58.000	180.000	64.000	58.000	58.000	280.000	120.000	80.000	80.000
1.2	UBND xã Phước Hà	460.000	184.000	138.000	138.000	180.000	64.000	58.000	58.000	180.000	64.000	58.000	58.000	280.000	120.000	80.000	80.000
1.3	UBND xã Phước Ninh	480.000	192.000	144.000	144.000	200.000	72.000	64.000	64.000	200.000	72.000	64.000	64.000	280.000	120.000	80.000	80.000
1.4	UBND xã Phước Dinh					-				280.000	120.000	80.000	80.000	280.000	120.000	80.000	80.000
1.5	UBND xã Phước Nam					-				280.000	80.000	100.000	100.000	280.000	80.000	100.000	100.000
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000
	Chi hỗ trợ tưới tiết kiệm	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000
2.1	UBND xã Phước Dinh	200.000	80.000	60.000	60.000	200.000	80.000	60.000	60.000	200.000	80.000	60.000	60.000				
2.2	UBND xã Phước Minh	46.000	46.000			46.000	46.000			46.000	46.000						
2.3	UBND xã Phước Ninh					-				246.000	126.000	60.000	60.000	246.000	126.000	60.000	60.000



STT	Chương trình/Dự án/Địa phương	Kinh phí đã phân bổ				Kinh phí điều chỉnh				Kinh phí sau khi điều chỉnh							
		Trong đó		Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	Ngân sách xã đối ứng	Giảm		Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng	Ngân sách xã đối ứng	Tăng		Trong đó					
		Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách Trung ương	Vốn ngân sách tỉnh				
II	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NGÀNH ĐỒNG BẢO DỮTS VÀ MÈN NÚI	1.285.100	1.285.100	-	-	1.274.100	1.274.100	-	-	1.274.100	1.274.100	-	-	1.285.100	1.285.100	-	-
I	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được hiệu quả, thực đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-
1.1	Xã Phước Hà	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-	1.270.000	1.270.000	-	-
1.2	Phòng Nông nghiệp & PTNT									1.270.000	1.270.000			1.270.000	1.270.000		
2	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	15.100	15.100	-	-	4.100	4.100	-	-	4.100	4.100	-	-	15.100	15.100	-	-
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	15.100	15.100	-	-	4.100	4.100	-	-	4.100	4.100	-	-	15.100	15.100	-	-
2.1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	4.100	4.100			4.100	4.100			4.100	4.100			4.100	4.100		
2.2	Phòng Văn hóa và Thông tin	11.000	11.000							4.100	4.100			15.100	15.100		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.931.100</b>	<b>1.971.100</b>	<b>480.000</b>	<b>480.000</b>	<b>2.080.100</b>	<b>1.600.100</b>	<b>240.000</b>	<b>240.000</b>	<b>2.080.100</b>	<b>1.600.100</b>	<b>240.000</b>	<b>240.000</b>	<b>2.931.100</b>	<b>1.971.100</b>	<b>480.000</b>	<b>480.000</b>